

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2022/DS-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp dân sự “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội. Địa chỉ: số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Ngọc Bửu Châu – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân. Địa chỉ số 177 Tôn Đức Thắng, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân (theo Quyết định số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). Ủy quyền lại cho bà Nguyễn Ngọc Nga – chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú Tân.

2. *Bị đơn:* Ông Diệp Hoàng G sinh năm 1967, địa chỉ: tổ 11, ấp Hậu G 1, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Ng sinh năm 1965, địa chỉ: tổ 11, ấp Hậu G 1, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(bà Ng có mặt, ông G, bà Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Ngọc Nga đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2006 ông Diệp Hoàng G vợ là Phạm Thị Ng đại diện cho hộ gia đình vay hộ nghèo, vay số tiền vốn là 7.000.000 đồng, quá trình vay phía ông G và bà Ng có trả tiền vốn 500.000 đồng, thời hạn trả nợ là 02/11/2010 đến hạn phía ông G không thực hiện trả nợ phía Ngân hàng gia hạn cho nợ đến 02/11/2013 và chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 15/12/2012. Đến thời điểm này số tiền vay vốn là 6.500.000đ và tiền lãi là 4.467.684đ. Tổng cộng là 10.967.684đ.

Bị đơn: Ông Diệp Hoàng G vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ng trình bày tại buổi hòa giải: thống nhất theo phía Ngân hàng yêu cầu, không nhớ rõ thời gian nào khoảng năm 2006 chồng bà ông G có vay tiền của Ngân hàng chính sách số tiền 7.000.000đ sau khi vay có trả được 500.000đ tiền vốn còn nợ lại 6.500.000đ tiền vốn đến nay chưa trả. Nay bà thống nhất theo số tiền vay vốn là 6.500.000đ và tiền lãi là 4.467.684đ tính đến ngày 24 tháng 8 năm 2022. Tổng cộng là 10.967.684đ.

Tại phiên tòa, bà Ng đại diện cho Ngân hàng chính sách yêu cầu hộ gia đình ông G, bà Ngà cùng có trách nhiệm trả số tiền vay vốn là 6.500.000đ, lãi là 4.530.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 11.030.000 đồng tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G, bà Ng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội vốn vay là 6.500.000đ và lãi phát sinh theo sổ vay vốn hộ nghèo nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hậu Giang 1, xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang được quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội với ông Diệp Hoàng G (đại diện cho hộ gia đình) được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng sổ vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo số tiền 7.000.000đ vào ngày 02/11/2006, thời hạn trả là ngày 02/11/2010. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng đã ký kết Ngân hàng giải ngân cho ông Giang.

Căn cứ các chứng cứ Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu gồm sổ vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo số tiền vay là 7.000.000đ vào ngày 02/11/2006 đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/12/2012, quá trình vay có trả được 500.000 đồng. Bà Ng cũng thống nhất có vay Ngân hàng số tiền 6.500.000đ và lãi suất theo sổ vay vốn. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với ông G, bà Ng được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau theo hình thức sổ vay vốn, theo đó ông Gi, bà Ng đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng. Sau khi vay thì hộ ông G không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã tạo điều kiện đôn đốc, nhắc nhở và các đương sự có cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, buộc ông G, bà Ng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng đối với số tiền vốn còn nợ của chương trình cho vay hộ nghèo với số tiền vốn 6.500.000 đồng.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 27/9/2022 căn cứ theo quy định hợp đồng các bên đã ký kết yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghĩa nên chấp nhận. Tính đến ngày 27/9/2022 số tiền

lãi của khoản vay 6.500.000đồng là 4.530.000đ; Tổng cộng tiền lãi là 4.530.000đ.

Từ những cơ sở trên nên buộc ông G, bà Ng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 27/9/2022 của hợp đồng tín dụng tổng cộng là 11.030.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Tuyên xử:

Công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội đối với ông Diệp Hoàng G, bà Phạm Thị Ng.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với ông Diệp Hoàng G, bà Phạm Thị Ng về việc trả vốn vay, lãi phát sinh còn nợ theo sổ vay vốn hai bên đã ký kết.

+ Buộc ông Diệp Hoàng G, bà Phạm Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn vay 6.500.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2022 là 4.530.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 11.030.000đ.

+ Kể từ ngày 28/9/2022, ông Diệp Hoàng G, bà Phạm Thị Ng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sổ vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Diệp Hoàng G, bà Phạm Thị Ng phải chịu án phí là 550.000 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân, AG;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hs, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc